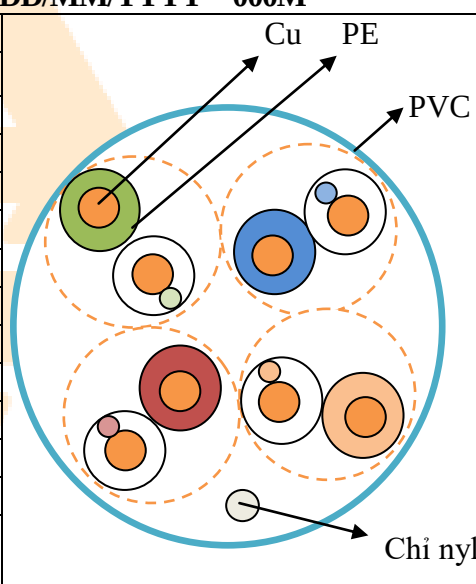


TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

CAT5E UTP 24AWG-4 Pair LAN CABLE

Tên sản phẩm	CAT 5E UTP 24AWG.4Pair		Mã sản phẩm	UTP- CAT5E 0.5mm		Tờ	1
Tiêu chuẩn	TC: TIA/EIA-568-B.2/ TIA/EIA-568-C.2						
Tốc độ truyền	Gigabit Ethernet (Gbps/100m/BER=10 ⁻⁹)						
Băng thông	đến 100MHz						
Chữ in	LS-DVH CAT5E UTP 24AWG/4PAIR CABLE TIA/EIA 568 -B.2 MADE IN VIET NAM DD/MM/YYYY =000M=						
Ruột dẫn	Vật liệu; Cu LS- Hàn Quốc	Đồngđỏ ủ mềm					
	Đường kính	0.5 ±0.01mm					
Cách điện	Vật liệu: Hàn Quốc	HDPE đặc					
	Đường kính	0.9 ±0.09mm					
Chống ẩm	Vật liệu	Ko					
	Đường kính	Ko					
Chống nhiễu	Vật liệu	Ko					
	Chiều dày	Ko					
Dây chịu lực	Vật liệu Trung Quốc	Chỉ nylon					
Cách nhiệt	Vật liệu	Ko					
Cách điện vỏ	Vật liệu Việt Nam	PVC (CM)					
	Chiều dày	0,5 ±0.2mm					
	Đường kính	5,2±0.66mm					
	Màu	Trắng					
	Độ bền điện môi	3KV/3s					
	Bán kính uốn cong	4 lần					
	Khả năng chống cháy	TCVN6613-1-1:2010 và TCVN 6613-1-2:2010					
	Chiều dài	305m					
Đặc tính điện ở 20 ⁰ C	Trở kháng 1.0 – 100MHZ(Ω):100±15		Màu đôi dây				
	Mất cân bằng điện dung (pF/100m): ≤ 330						
	Độ trễ 1,0 ÷ 100MHz (ns/100m): ≤ 570	Đôi	1	2	3	4	
	Điện trở dây dẫn (Ω/100m): ≤ 9,38	A	Trắng nâu	Trắng xanh lá	Trắng xanh dương	Trắng vàng	
	Điện dung công tác: ≤5.6nF						
	Mất cân bằng R (%): ≤ 4	B	Nâu	Xanh lá	Xanh dương	vàng	
	Độ bền điện môi: ≥5KV						
HIỆU SUẤT TRUYỀN DẪN (20 ⁰ C)							
Tần số	Suy hao truyền dẫn max	Suy hao phản xạ min	Suy hao xuyên âm đầu gần min	Suy hao tổng cộng xuyên âm đầu gần min	Suy hao xuyên âm đầu xa min	Suy hao tổng cộng xuyên âm đầu xa min	
MHZ	dB	dB	dB	dB	dB	dB	
1	2.0	25.0	65.3	62.3	63.8	60.8	
4	4.1	24.7	56.3	53.3	51.8	48.8	
8	5.8	24.5	51.8	48.8	45.7	42.7	

10	6.5	23.0	50.3	47.3	43.8	40.8
16	8.2	23.8	47.2	44.2	39.7	36.7
20	9.3	23.0	45.8	42.2	37.8	34.8
31.25	11.7	21.8	42.9	39.9	33.9	30.9
62.5	17.0	21.5	38.4	35.4	27.9	24.9
100	22.0	20.1	35.3	32.3	23.9	20.9



VIET HAN